

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-PT

Ngày 04 tháng 3 năm 2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Bà Lương Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đào Quang V – sinh năm 1971

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Kim C – sinh năm 1977

Đều trú tại: số nhà 11, ngõ 309, đường L, tổ 04, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng: Không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

* Anh Đào Quang V trình bày: Anh V và chị C tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T ngày 11/9/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, vợ chồng nghi ngờ lòng chung thủy đối với nhau, dẫn đến vợ chồng liên tục xảy ra đánh cãi nhau và đã có những hành động, lời lẽ xúc phạm đến danh dự, uy tín của nhau. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay. Anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với chị C.

* Chị Trần Thị Kim C trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn chị C trình bày phù hợp với lời khai của anh V. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phần lớn là do anh V có mối quan hệ nam nữ bất chính với người phụ nữ khác. Chị C cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng, chị hoàn toàn mất niềm tin, sự tôn trọng đối với anh V nên từ tháng 5/2017 chị sống ly thân với anh V, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau nữa. Nay anh V xin ly hôn chị C đồng ý.

2. Về con chung: Anh V và chị C thống nhất trình bày, anh chị có hai con chung là Đào Trần N, sinh ngày 03/8/2004 và con Đào Minh Đ, sinh ngày 27/9/2008. Ly hôn, anh V có nguyện vọng được nuôi con Đào Minh Đ, chị C nuôi con Đào Trần N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Quan điểm của chị C là muốn nuôi cả hai con chung vì chị là giáo viên, thu nhập cao hơn anh V, có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt hơn. Chị C yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản:

* Anh Đào Quang V trình bày: Vợ chồng anh có tài sản chung là nhà, đất tại số nhà 11, ngõ 309, đường L, tổ 04, phường T, thành phố T và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Nguồn gốc nhà đất như sau: Năm 2003, mẹ đẻ anh V nhận chuyển nhượng thừa đất với diện tích 57,6m², vợ chồng anh không đóng góp gì. Năm 2004, vợ chồng có nguyện vọng ra ở riêng nên mẹ anh V cho mượn thừa đất trên để xây dựng nhà cấp 4 ở tạm. Bố anh V mất đã lâu, mẹ đẻ anh V đã già yếu nên mong muốn sau này khi bà chết, anh V sẽ thay thế các anh em ruột trong gia đình có trách nhiệm thờ cúng ông bà, cha mẹ, tổ tiên nội tộc. Vì thế năm 2011, mẹ đẻ anh V đã làm thủ tục tặng cho vợ chồng

anh V, chị C thừa đất trên. Ngày 30/11/2011, vợ chồng anh V được Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BE602557, số vào sổ cấp GCN: CHO 1210/TL-TP. Tháng 9/2014, anh chị đã phá nhà cũ, xây nhà mới 03 tầng, công trình phụ khép kín, diện tích sàn khoảng 170m². Chi phí xây nhà hết khoảng 470.000.000 đồng. Nguồn tiền xây nhà là do vợ chồng tiết kiệm được và anh V vay thêm bạn 100.000.000 đồng (số nợ này anh V đã trả xong). Anh V cho rằng, vì có công sức đóng góp nhiều hơn chị C nên anh V xin được quản lý, sử dụng đất, sở hữu nhà và thanh toán cho chị C 30% giá trị nhà, đất. Những tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình anh V tự thỏa thuận phân chia với chị C, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh V xác định vợ chồng anh V không còn khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Chị Trần Thị Kim C trình bày: Chị C trình bày thống nhất với anh V về tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, về nguồn gốc nhà đất chị C có quan điểm như sau: Năm 2003, mẹ đẻ anh V là bà Vũ Thị Mùi nhận chuyển nhượng thửa đất diện tích 57,6m² với giá 100.000.000 đồng. Năm 2004, bà Mùi đồng ý để lại diện tích đất trên cho vợ chồng, bà tuyên bố cho vợ chồng 40.000.000 đồng, còn lại 60.000.000 đồng vợ chồng chị phải trả cho bà. Ngày 20/5/2004, anh V và chị C trả bà Mùi 40.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận. Ngày 20/7/2011, vợ chồng đã trả tiếp bà Mùi 20.000.000 đồng nhưng không viết giấy biên nhận. Do đã trả xong tiền nên bà Mùi làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho vợ chồng chị. Để không mất nhiều tiền thuê nhà đất nên bà Mùi đã làm thủ tục tặng cho vợ chồng chị. Tháng 9/2014, vợ chồng chị đã phá nhà cũ, xây nhà mới 3 tầng, công trình phụ khép kín, diện tích sàn hơn 200m², tiền xây nhà hết khoảng 700.000.000 đồng. Nguồn tiền xây nhà một phần là do chị C tiết kiệm được và một phần là chị vay của bố mẹ đẻ và chị gái chị. Quá trình xây nhà, chị C trực tiếp lo liệu mọi việc, anh V không đồng ý xây nhà nên không quan tâm và không có trách nhiệm gì. Chị C xác định: để làm nhà chị C còn vay của bố mẹ chị là ông Trần Đức T và bà Nguyễn Thị C1 số tiền 450.000.000 đồng, vay khoảng tháng 9/2014, khi vay không có người làm chứng, không viết giấy vay nợ, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả, chị C là người trực tiếp nhận tiền làm nhiều đợt và trước khi vay có thông báo với anh V nhưng anh V không nói gì. Ngoài ra chị còn vay của chị gái chị là 150.000.000 đồng nhưng chị đã trả xong số tiền này nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quan điểm của chị C về việc chia tài sản chung và nợ chung là: Vì

chị có công sức đóng góp nhiều hơn anh V nên chị xin được quản lý, sử dụng đất, sở hữu nhà và thanh toán cho anh V 30% giá trị nhà đất. Những tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình chị C tự thỏa thuận phân chia với anh V, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị C yêu cầu anh V phải có trách nhiệm trả ½ khoản nợ 450.000.000 đồng cho ông T và bà C1.

* Ông Trần Đức T và bà Nguyễn Thị C1 thống nhất trình bày: Tháng 8/2014, ông bà cho vợ chồng anh V, chị C vay số tiền 450.000.000 đồng để xây nhà. Khi vay và cho vay không có người làm chứng, không viết giấy biên nhận, không thỏa thuận thời hạn trả, không tính lãi suất, chị C là người trực tiếp nhận tiền 03 đợt, tuy nhiên ông bà không nhớ giao mỗi đợt là bao nhiêu. Nguồn tiền có để cho vay là do ông bà tích góp được từ việc buôn bán. Khi cho vợ chồng anh V vay, ông bà có thông báo cho anh V biết. Đến nay, anh V, chị C chưa trả số tiền vay này. Vì vậy, nếu anh V vẫn đề nghị ly hôn với chị C thì ông bà yêu cầu anh V, chị C mỗi người phải trả cho ông bà ½ khoản vay nêu trên.

Tại bản án số 51/2019/HNGĐ-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; các Điều 51, 55, 58, 59, 60, 63 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đào Quang V và chị Trần Thị Kim C.

2. Về nuôi con: Giao cho anh Đào Quang V trực tiếp nuôi dưỡng con Đào Minh Đ, sinh ngày 27/9/2008. Giao cho chị Trần Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng con Đào Trần N, sinh ngày 03/8/2004. Anh V, chị C không ai phải cấp dưỡng nuôi con C.

Anh V, chị C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản: Xác định khối tài sản chung của vợ chồng anh V, chị C gồm: Diện tích đất 57,6m² tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 04, nhà mái bằng 03 tầng và công trình phụ khép kín, tổng giá trị tài sản: 1.361.880.000 đồng.

3.1. Chia cho anh Đào Quang V được sử dụng diện tích đất 57,6m² tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 04, nhà mái bằng 03 tầng và công trình phụ khép kín theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 602557 ngày 30/11/2011

mang tên ông Đào Quang V và bà Trần Thị Kim C, tại địa chỉ số nhà 11, ngõ 309, đường Lý Thường Kiệt, tổ 4, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Thửa đất có tứ cận: phía đông dài 13,9m giáp đất ông Q, phía tây dài 14,9m giáp đất bà P, phía Nam dài 4m giáp ngõ công, phía bắc dài 4m giáp Công ty B. Tổng giá trị tài sản 1.361.880.000 đồng. Anh V có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho chị C 680.940.000 đồng.

3.2 Chia cho chị Trần Thị Kim C được sở hữu số tiền anh Đào Quang V thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của vợ chồng là nhà, đất là: 680.940.000 đồng.

Chị Trần Thị Kim C có quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Trần Thị Kim C có đơn yêu cầu thi hành án, anh Đào Quang V không thi hành án hoặc thi hành được một phần thì phần còn phải thi hành án phải chịu lãi suất bằng 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3.3. Về nợ: bác yêu cầu của ông Trần Đức T và bà Nguyễn Thị C1 về việc yêu cầu anh Đào Quang V và chị Trần Thị Kim C phải trả nợ khoản vay 450.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/12/2019, bị đơn chị Trần Thị Kim C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Về con chung: Chị C đề nghị được nuôi con Đào Minh Đ, sinh ngày 27/9/2008, còn anh V nuôi con Đào Trần N, sinh ngày 03/8/2004. Lý do chị muốn nuôi con N là vì cháu còn nhỏ, lại đang học trường do chị giảng dạy ở đó nên có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu tốt hơn.

- Về tài sản chung: Chị C đề nghị được sở hữu, sử dụng tài sản C của vợ chồng là nhà và đất, chị C có trách nhiệm thanh toán cho anh V $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 680.940.000 đồng.

Ngày 03/3/2020, chị Trần Thị Kim C nộp đơn kháng cáo bổ sung, đề nghị Tòa án chia cho chị C được hưởng 70% giá trị tài sản vì chị có công sức đóng góp nhiều hơn anh V, đồng thời đề nghị Tòa án tiếp tục xem xét và yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ trả nợ C khoản tiền chị vay của bố mẹ để chị để xây nhà.

Tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo trong hạn của của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm: Về con chung, giao con Đào Minh Đ cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Đào Trần N cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Giao cho chị Trần Thị Kim C được sở hữu, sử dụng nhà và đất và chị C có nghĩa vụ thanh toán cho anh V $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản C. Đối với yêu cầu kháng cáo bổ sung ngày 03/3/2020 của chị Trần Thị Kim C là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên không được đưa ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo ngày 13/12/2019 của chị Trần Thị Kim C làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thấy:

[2.1] Anh V và chị C có hai con chung nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp. Hiện tại cả hai cháu đều đã lớn, có thể tự lập về các sinh hoạt cá nhân, không phụ thuộc quá nhiều vào cha mẹ nên việc giao con Đào Minh Đ, sinh ngày 27/9/2008 cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng cũng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Đ. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của chị C về việc xin thay đổi quyền nuôi con.

[2.2] Anh V và chị C đều xác định vợ chồng có tài sản chung là diện tích đất 57,6m² tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 04, nhà mái bằng 03 tầng và công trình phụ khép kín. Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì thấy, nguồn gốc đất là của mẹ anh V tặng cho hai vợ chồng nên xác định công sức đóng góp của anh V là lớn hơn, còn đối với nhà thì có căn cứ xác định nguồn tiền xây dựng nhà là của hai vợ chồng cùng tiết kiệm mà có và vay mượn thêm, tuy nhiên chị C là người có công sức đóng góp nhiều hơn bởi chị C là người đứng ra lo liệu mua nguyên vật liệu, thanh toán, trông coi công thợ trong quá

trình xây dựng nhà. Theo kết luận định giá tài sản thì nhà và đất có giá trị tương đương nhau, do vậy cấp sơ thẩm chia cho mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là hợp lý. Tuy nhiên, theo nhu cầu thực tế sử dụng đất thì thấy, anh V vẫn còn chỗ ở khác (là nhà của mẹ đẻ anh V sau khi mất để lại chưa có người ở), ngược lại chị C lại không có chỗ ở nào khác và cũng có trách nhiệm nuôi con nhỏ, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải giao nhà đất cho chị C sở hữu, sử dụng là hợp lý, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của chị C về việc xin thay đổi quyền sở hữu, sử dụng tài sản C của vợ chồng.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo bổ sung ngày 03/3/2020 của chị Trần Thị Kim C về việc chia cho chị được hưởng 70% giá trị tài sản C và yêu cầu anh V phải cùng chị trả khoản nợ C cho bố mẹ đẻ chị C là vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không đưa ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Kim C được chấp nhận một phần nên chị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị Kim C. Sửa bản án sơ thẩm số 51/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

1. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 55, 58, 59, 63, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.1 Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đào Quang V và chị Trần Thị Kim C.

1.2. Về nuôi con: Giao cho anh Đào Quang V trực tiếp nuôi dưỡng con Đào Minh Đ, sinh ngày 27/9/2008. Giao cho chị Trần Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng con Đào Trần N, sinh ngày 03/8/2004. Anh V, chị C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh V, chị C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

1.3. Về tài sản: Xác định khối tài sản chung của vợ chồng anh V, chị C gồm: Diện tích đất 57,6m² tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 04, nhà mái bằng 03 tầng và công trình phụ khép kín, tổng giá trị tài sản: 1.361.880.000 đồng.

1.3.1. Chia cho chị Trần Thị Kim C được sử dụng diện tích đất 57,6m² tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 04, nhà mái bằng 03 tầng và công trình phụ khép kín theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 602557 ngày 30/11/2011 mang tên ông Đào Quang V và bà Trần Thị Kim C, tại địa chỉ số nhà 11, ngõ 309, đường Lý Thường Kiệt, tổ 4, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Thửa đất có tứ cận: phía đông dài 13,9m giáp đất ông Q, phía tây dài 14,9m giáp đất bà P, phía Nam dài 4m giáp ngõ công, phía bắc dài 4m giáp Công ty B. Tổng giá trị tài sản 1.361.880.000 đồng. Chị C có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho anh V 680.940.000 đồng.

Chị Trần Thị Kim C có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.3.2 Chia cho anh Đào Quang V được sở hữu số tiền chị Trần Thị Kim C thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của vợ chồng là nhà, đất là: 680.940.000 đồng.

Anh Đào Quang V có quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Kim C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại chị C 300.000 đồng nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0009679 ngày 03/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 04/03/2020.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, VKSND, THA thành phố Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

